

KT3-02700CK5/5

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### TEST REPORT

01/06/2015  
Page 01/02

- |                                                |                                                                                                                                            |
|------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1. Tên mẫu :<br><i>Name of sample</i>          | MÁNG CÁP W 600 x H 100 x L 2 500 x 2,0 mm<br>TRUNGKING W 600 x H 100 x L 2 500 x 2,0 mm                                                    |
| 2. Số lượng mẫu:<br><i>Quantity</i>            | 01                                                                                                                                         |
| 3. Mô tả mẫu :<br><i>Sample description</i>    | Mẫu là máng cáp W 600 x H 100 x T 2 x L 2 500 mm<br>The as-received sample is cable trunking                                               |
| 4. Ngày nhận mẫu:<br><i>Date of receiving</i>  | 26/05/2015                                                                                                                                 |
| 5. Ngày thử nghiệm:<br><i>Date of testing</i>  | 28/05/2015                                                                                                                                 |
| 6. Nơi gửi mẫu:<br><i>Customer</i>             | <b>CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT NEW SUN VIỆT NAM</b><br>839/1 Lê Hồng Phong, Quận 10, Tp Hồ Chí Minh                                              |
| 7. Phương pháp thử :<br><i>Test method</i>     | - NEMA VE 1 - 2002 Metal Cable Tray Systems<br>- TCVN 5878:2007 Lớp phủ không từ trên chất nền từ<br>Đo chiều dày lớp phủ - Phương pháp từ |
| 8. Kết quả thử nghiệm :<br><i>Test results</i> | Xem trang 02/02<br>See page                                                                                                                |

**P.TRƯỜNG PTN CƠ KHÍ**  
**HEAD OF MECHANICAL TESTING LAB.**

  
**Phạm Văn Út**

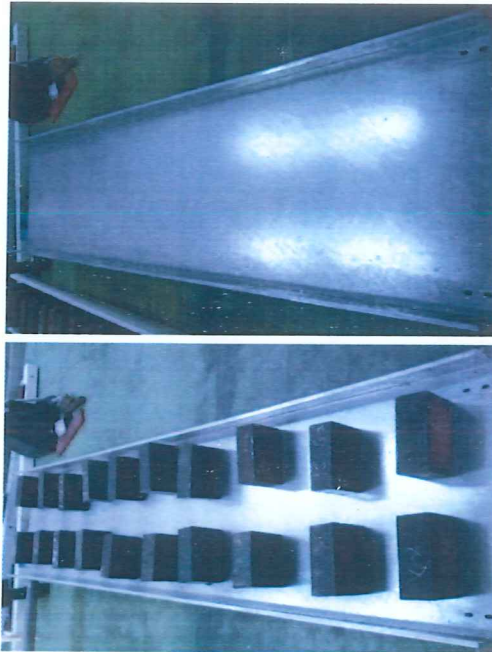
**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
**VICE DIRECTOR**

  
**Trương Thanh Sơn**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến./ Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.  
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Quatest 3.  
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu./ Name of sample and customer are written as customer's request.  
4. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với k = 2, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.  
Estimated expanded uncertainty of measurement with k = 2, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information.

N/A: không áp dụng.  
Not applicable

Head Office: 49 Pasteur, Q1, Hồ Chí Minh City, VIỆT NAM Tel: (84-8) 3829 4274 Fax: (84-8) 3829 3012 Website: www.quatest3.com.vn  
Testing: 7 Road 1, Biên Hòa 1 Industrial Zone, Đồng Nai Tel: (84-61) 383 6212 Fax: (84-61) 383 6298 E-mail: qt-dichvutn@quatest3.com.vn



### 8. Kết quả thử nghiệm

#### Test results

| Tên chỉ tiêu<br>Specification                                                                         | Kết quả thử nghiệm<br>Test result |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|
| <b><u>A. THỬ TẢI/ LOAD TEST</u></b>                                                                   |                                   |
| 8.1. Chiều dài mẫu thử<br>Length of specimen                                                          | mm<br>2 500                       |
| 8.2. Khoảng cách giữa 2 gối đỡ (L)<br>Span between the 2 supports                                     | mm<br>2 400                       |
| 8.3. Tải trọng thử cấp 8A (W)<br>Test load                                                            | kgf/m<br>74                       |
| 8.4. Phương pháp đặt tải theo NEMA VE 1 - 2002<br>Load application method                             | A                                 |
| 8.5. Kết quả thử nghiệm<br>Test result                                                                | Không hỏng<br>Undamaged           |
| 8.6. Nhận xét kết quả thử nghiệm theo cấp 8A<br>Comment on test result to class 8A - NEMA VE 1 - 2002 | Phù hợp<br>Conform                |
| <b><u>B. THỬ LỚP PHỦ/COATING TEST</u></b>                                                             |                                   |
| 8.7. Chiều dày trung bình lớp phủ kẽm<br>Average of zinc coating thickness                            | μm<br>70                          |

Ghi chú/Notice : Tổng tải trọng thử / Total test load - T = 266 kgf  
 $T = 1,5 \times L \text{ (m)} \times W \text{ (kgf)}$